TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 9- 2019.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hùng

+ Bà Phạm Thị Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Nguyễn Bích N, sinh năm 1983
Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Diên T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ca Văn T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Diên T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trịnh Nguyễn Bích N trình bày: Bà và ông Ca Văn T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Diên T vào năm 2009. Quá trình chung sống, bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng

không có sự tin tưởng lẫn nhau trong vấn đề tình cảm và tiền bạc. Ông T thường xuyên bỏ nhà đi, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không làm ăn phụ lo kinh tế gia đình cùng với bà, mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình và chăm lo cho con cái đều do bà N trực tiếp lo. Giữa bà và ông T đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục những mâu thuẫn nhưng vẫn không khắc phục, hàn gắn được. Hiện bà N và ông T không còn chung sống từ tháng 02/2018. Nay, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên là Ca Trịnh Thanh A, sinh ngày 27/5/2017 và Ca Trịnh Hải T, sinh ngày 19/6/2010, bà N có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có.

Bị đơn ông Ca Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để có sở giải quyết vụ án.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Tòa án nhân dân huyện D đã tuân thủ, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Nguyễn Bích N đã yêu cầu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Ca Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Nguyễn Bích N và ông Ca Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã D vào năm 2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống theo bà N trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bỏ mặc vợ con, không có sự quan tâm, chia sẻ, gánh vác trách nhiệm cùng với bà N trong vấn đề chăm sóc con cái, chăm lo đời sống kinh tế gia đình. Dẫn đến cuộc sống chung giữa hai bên không có hạnh phúc, luôn xảy ra xung đột, bất đồng từ đó tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn ông T. Tòa án nhân dân huyện D đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt, cho thấy ông T đã bỏ mặc, không muốn tiếp tục duy trì, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà N. Xét cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T có sự mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà N, cho bà N được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Bà N xác định giữa bà và ông T có 02 con chung tên là Ca Trịnh Thanh A, sinh ngày 27/5/2017 và Ca Trịnh Hải T, sinh ngày 19/6/2010, bà N có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét bà N có chỗ ở và công việc ổn định (hiện bà N đang là giáo viên tại Trường tiểu học xã D) và hai con chung cũng đang ở với bà N nên giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông T có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trịnh Nguyễn Bích N được ly hôn ông Ca Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Ca Trịnh Thanh A, sinh ngày 27/5/2017 và cháu Ca Trịnh Hải T, sinh ngày 19/6/2010 cho bà Trịnh Nguyễn Bích N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; ông Ca Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà N và ông T đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Trịnh Nguyễn Bích N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002650 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D; bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã Diên T
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.